

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày: 26 – 4 – 2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Ngọc.
2. Bà Trần Thị An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên tòa:
Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Diễm K, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 6, ấp R, xã Thuận Yên, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Lệ Th, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp N, xã Thuận Yên, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

Bị đơn:

- Ông Phạm Hiền Đ, sinh năm 1981. Địa chỉ: đường S, Khu phố B, phường Bình San, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

- Bà Triệu Ngọc T, sinh năm 1983. Địa chỉ: đường S, Khu phố B, phường Bình San, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Diễm K và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Diễm K là bà Đào Thị Lệ Th trình bày: Ngày 28/5/2022, bà Lê Thị Diễm K

có cho vợ chồng ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T vay số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), trong hợp đồng không ghi thời hạn trả nợ và mức lãi suất cụ thể nhưng ông Đ, bà T có hứa hẹn trong thời gian 01 tháng sẽ trả lại số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất là 1,6%/tháng. Tuy nhiên đến hạn thanh toán ông Đ, bà T không thực hiện trả nợ như thỏa thuận. Tính từ thời điểm vay tiền ngày 28/5/2022 đến ngày 19/10/2023 là 16 tháng 21 ngày, thành tiền là 93.520.000 đồng (chín mươi ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Ông Đ, bà T có chuyển khoản đóng tiền lãi cho bà K được 06 lần 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) nên còn nợ lại tiền lãi là 53.520.000 đồng (năm mươi ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng), ông Đ và bà T không thanh toán được khoản tiền vay vốn gốc cho bà K. Nay bà K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ và bà T trả cho bà K tiền vay vốn gốc 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi còn nợ tính đến ngày 26/4/2024 và tiền lãi theo mức lãi suất 1,6%/tháng trên số tiền gốc cho đến khi xét xử xong. Ngoài ra tại phiên tòa bà Th trình bày bà K đồng ý tính lại lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2024 và biên bản ghi nhận ý kiến ngày 11/01/2024 bị đơn ông Phạm Hiền Đ trình bày: Vợ chồng ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T có vay tiền của bà Lê Thị Diễm K nhiều lần, tổng cộng là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), sau đó các bên thống nhất ký kết hợp đồng vay tiền vào ngày 28/5/2022, với lãi suất 10%/tháng. Sau khi vay ông bà có đóng lãi nhưng đưa tiền mặt và hai bên không có ký nhận, đến thời điểm hiện nay vợ chồng ông bà chưa thanh toán cho bà K tiền vay vốn gốc. Nay ông thừa nhận vợ chồng ông bà còn nợ bà Lê Thị Diễm K tiền vay vốn gốc là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) và đồng ý trả tiền nợ vốn gốc 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) cho bà Lê Thị Diễm K. Do hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên ông xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), bắt đầu trả từ tháng 3 năm 2024 cho đến khi hết nợ hoặc trả trong thời gian 06 tháng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Triệu Ngọc T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa tuân theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua các chứng cứ do các đương sự cung cấp, được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc 350.000.000 đồng và tiền

lãi theo quy định pháp luật sau khi khấu trừ tiền lãi đã nhận. Buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn bà Lê Thị Diễm K khởi kiện bị đơn ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T yêu cầu trả nợ tiền vay vốn gốc 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật. Xét thấy bị đơn ông Đ, bà T cư trú tại khu phố B, phường Bình San, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Do đó, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định.

[2] Sự có mặt của đương sự: Bị đơn ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án: Ngày 28/5/2022, bà Lê Thị Diễm K có cho vợ chồng ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T vay số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi vay tiền ông Đ, bà T có trả tiền lãi nhưng không đầy đủ và không thanh toán tiền vốn gốc cho bà K, do đó phát sinh tranh chấp.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà Lê Thị Diễm K và ông Phạm Hiền Đ, bà Triệu Ngọc T là sự thỏa thuận của các đương sự, các bên có xác lập hợp đồng vay tiền bằng chữ viết tay có chữ ký của ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T, phù hợp với quy định tại 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Sau khi vay tiền ông Đ, bà T không thực hiện thanh toán tiền lãi đầy đủ và cũng không thanh toán tiền gốc cho bà K. Bà K có nhiều lần yêu cầu ông Đ, bà T thanh toán nhưng đến nay ông Đ, bà T không thanh toán tiền gốc và lãi cho bà K. Quá trình giải quyết vụ án bà Triệu Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Phạm Hiền Đ thừa nhận vợ chồng ông là Phạm Hiền Đ và Triệu Ngọc T có vay và còn nợ bà Lê Thị Diễm K số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng). Căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T thanh toán cho bà Lê Thị Diễm K số tiền gốc 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định

pháp luật.

Nguyên đơn bà Lê Thị Diễm K trình bày cho bị đơn ông Phạm Hiền Đ, bà Triệu Ngọc T vay số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), trong hợp đồng không ghi thời hạn trả nợ và mức lãi suất cụ thể nhưng ông Đ, bà T có hứa hẹn trong thời gian 01 tháng sẽ trả lại số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất là 1,6%/tháng. Tính từ thời điểm vay tiền là ngày 28/5/2022 đến ngày 19/10/2023 là 16 tháng 21 ngày, tính thành tiền là 93.520.000 đồng (chín mươi ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Ông Đ, bà T có chuyển khoản đóng tiền lãi cho bà K được 06 lần số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) nên còn nợ lại số tiền 53.520.000 đồng (năm mươi ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) và không thanh toán tiền gốc cho bà K. Bị đơn ông Phạm Hiền Đ trình bày vợ chồng ông có vay của bà Lê Thị Diễm K nhiều lần sau đó đến ngày 28/5/2022 mới kí biên nhận vay số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), với mức lãi suất 10%/tháng và chỉ đồng ý thanh toán cho bà K số tiền lãi 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Xét thấy, việc ông Đ cho rằng vay tiền của bà K nhiều lần nhưng ông Đ không chứng minh được việc vay số tiền nêu trên nhiều lần vì ngoài biên nhận ngày 28/5/2022 không còn có chứng từ gì thể hiện việc vay tiền nên không có cơ sở xem xét. Hợp đồng vay tiền ngày 28/5/2022 không ghi nhận thời hạn thanh toán, tuy nhiên sau đó bà K cũng đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà T trả nợ nhưng ông Đ, bà T không thanh toán nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn theo Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bà K và ông Đ không thống nhất được với nhau về mức lãi suất tại thời điểm cho vay, quá trình tố tụng bà Tiên không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời tại biên nhận ngày 28/5/2022 cũng không thể hiện lãi suất cho vay là bao nhiêu. Do đó, căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định mức lãi suất là 10%/năm để tính tiền lãi trên số tiền gốc từ thời điểm vay là ngày 28/5/2022 đến thời điểm xét xử ngày 26/4/2024 là 22 tháng 28 ngày thành tiền là 66.888.888 đồng (sáu mươi sáu triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng). Bà K trình bày ông Đ, bà T đã trả lãi cho bà số 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), nên ông Đ và bà T còn phải trả cho bà K số tiền lãi là 26.888.888 đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng). Do đó, cần buộc ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T phải thanh toán cho bà Lê Thị Diễm K số tiền gốc và lãi tổng cộng là 376.888.888 đồng (ba trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Diễm K đối với số tiền lãi là 26.631.112 đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi một nghìn một trăm mười hai đồng) do nguyên đơn rút yêu cầu.

[4] Về án phí: Ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T phải chịu án phí dân

sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải thi hành theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Diễm K đối với bị đơn ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T.

Buộc ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T phải thanh toán cho bà Lê Thị Diễm K số tiền 376.888.888 đồng (ba trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng), trong đó tiền gốc là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 26.888.888 đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Diễm K đối với số tiền lãi là 26.631.112 đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi một nghìn một trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí: Ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.844.444 đồng (mười tám triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Bà Lê Thị Diễm K đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001569 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, bà K được nhận lại 10.070.400 đồng (mười triệu không trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Diễm K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Phạm Hiền Đ và bà Triệu Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP.Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP. Hà Tiên;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Phương

